

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
LỚP 6

Hà Nội, năm 2023

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Công nghệ	2
2	Khoa học tự nhiên	2
3	Lịch sử	4
4	Địa lý	5
5	Tin học	6
6	GDCD	8
7	Ngữ văn	9
8	Tiếng Anh	12
9	Toán	16
10	Âm nhạc	19
11	Thể dục	20
12	Mỹ thuật	20

MÔN CÔNG NGHỆ

Câu 1: Nhà ở có vai trò gì đối với con người? Em hãy nêu đặc điểm chung về nhà ở của Việt Nam. Nêu một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

Câu 2: Nhà em thuộc kiểu kiến trúc nào? Mô tả các khu vực chức năng trong ngôi nhà của gia đình em?

Câu 3: Để xây dựng nhà ở, cần những loại vật liệu nào? Nêu ứng dụng chính của các loại vật liệu đó.

Câu 4: Em hãy trình bày các bước chính xây dựng nhà ở.

Câu 5: Thế nào là ngôi nhà thông minh? Em hãy nêu nguyên tắc hoạt động của các hệ thống trong ngôi nhà thông minh?

Câu 6: Ngôi nhà thông minh có đặc điểm gì? Để tiết kiệm năng lượng cần lưu ý điều gì?

Câu 7: Tưởng tượng và cho biết về ngôi nhà thông minh trong tương lai của em.

Chú ý:

- Nội dung kiểm tra từ bài 1 đến hết bài 3
- Đề kiểm tra gồm: 50% trắc nghiệm (20 câu); 50% tự luận.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN PHẦN MÔN VẬT LÝ

I. Lý thuyết

1. Nêu đơn vị, dụng cụ đo của 1 số đại lượng: chiều dài, thể tích, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.
2. Nêu khái niệm giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN).
3. Nêu các bước thực hành đo các đại lượng.
4. Nêu cách đo thể tích của vật rắn không thấm nước.
5. Em biết mấy thang đo nhiệt độ? Đó là những thang nào? Chỉ rõ nhiệt độ nước đá đang tan, nước sôi trong các thang đo.
6. Nêu cách đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Xen xi út ($^{\circ}\text{C}$) sang Fa- ren- hai ($^{\circ}\text{F}$).

II. Bài tập.

1. Đổi các đơn vị đo của các đại lượng
2. Tìm được giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của các dụng cụ đo.
3. Đọc được đúng các giá trị cần đo.
4. Tìm thể tích vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ và bình tràn trong những bài tập cụ thể.
5. Biết đổi từ $^{\circ}\text{C}$ sang $^{\circ}\text{F}$

Fa- ren- hai ($^{\circ}\text{F}$)	32 $^{\circ}\text{F}$	212 $^{\circ}\text{F}$	$B \text{ } ^{\circ}\text{F} = (B - 32):1,8 \text{ } ^{\circ}\text{C}$
-------------------------------------	-----------------------	------------------------	--

PHẦN MÔN HÓA HỌC

I. LÝ THUYẾT.

1. Phân biệt vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật thể vô sinh, vật thể hữu sinh.
2. Các thể của chất. Tính chất của chất. Sự chuyển thể của chất.
3. Tính chất của oxygen, tầm quan trọng của oxygen.
4. Thành phần và vai trò của không khí. Ô nhiễm không khí.

II. BÀI TẬP

Bài 1. Cho các từ sau: *vật lý; chất; sự sống; không có; rắn, lỏng, khí; tự nhiên/ thiên nhiên; tính chất; thể/ trạng thái; vật thể nhân tạo.* Hãy chọn từ/ cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Các chất có thể tồn tại ở ba (1) . . . cơ bản khác nhau, đó là (2) . . .
- Mỗi chất có một số (3) . . . khác nhau khi tồn tại ở các thể khác nhau.
- Mọi vật thể đều do (4) . . . tạo nên. Vật thể có sẵn trong (5) . . . được gọi là vật thể tự nhiên; Vật thể do con người tạo ra được gọi là (6) . . .
- Vật hữu sinh là vật có các dấu hiệu của (7) . . . mà vật vô sinh (8) . . .
- Chất có các tính chất (9) . . . như hình dạng, kích thước, màu sắc, khối lượng riêng, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính cứng, độ dẻo.
- Muốn xác định tính chất (10) . . . ta phải sử dụng các phép đo.

Bài 2. Hãy phân biệt những từ in nghiêng chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau:

- Trong quả *chanh* có *nước*, *citric acid* và một số chất khác.
- Cốc* bằng *thủy tinh* dễ vỡ hơn so với *cốc* bằng *chất dẻo*.
- Thuốc *đau que diêm* được trộn một ít *sulfur*.
- Quặng apatit* ở Lào Cai có chứa *calcium phosphate* với hàm lượng cao.
- Bóng đèn điện* được chế tạo từ *thủy tinh*, *đồng* và *tungsten*.

Bài 3. Giải thích các hiện tượng thực tế theo các đặc điểm thể của chất

- Tại sao vật liệu dùng xây nhà, làm cầu đường ở thể rắn?
- Tại sao vận chuyển dầu thô (thể lỏng) từ biển vào đất liền bằng cách đóng thùng?
- Tại sao bơm được nước qua đường ống dẫn?
- Tại sao mở lọ nước hoa chúng ta có thể ngửi thấy mùi nước hoa ở các phía khác nhau?
- Tại sao có thể rèn luyện con dao (bằng sắt) rất mảnh và sắc?
- Tại sao người thợ có thể tạo ra các đồ thủy tinh có hình thù khác nhau?
- Tại sao ta có thể đi trên mặt nước bị đóng băng?

Bài 4. Các chất dưới đây tồn tại ở thể nào trong điều kiện thường? Hãy liệt kê một số tính chất vật lí của các chất đó.

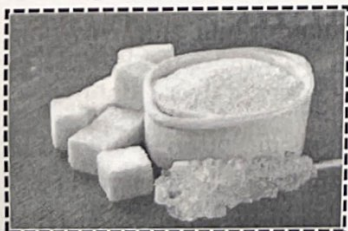
- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| a) Đường mía (sucrose) . | b) Muối ăn (sodium chloride) . |
| c) Sắt (iron) . | d) Nước. |

Bài 5. Bạn An lấy một viên đá lạnh nhỏ ở trong tủ lạnh rồi bỏ lên chiếc đĩa. Khoảng một giờ sau, bạn An không thấy viên đá lạnh đâu nữa mà thấy nước trải đều trên mặt đĩa. Bạn An để luôn vậy và ra làm rau cùng mẹ. Đến trưa, bạn đến lấy chiếc đĩa ra để rửa thì không còn thấy nước.

- Theo em, nước đã biến đâu mất?
- Nước có thể tồn tại ở những thể nào?
- Hãy vẽ sơ đồ mô tả sự biến đổi giữa các thể của nước?
- Tại sao lại có hiện tượng nước trải đều trên mặt đĩa?
- Tại sao lúc đầu khi cho đá vào cốc thì có nước bám bên ngoài cốc?

Bài 6. Đường saccharose (sucrose) là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng quan trọng cho **con người**. Đường **saccharose** là chất rắn, màu trắng, tan nhiều trong nước, đặc biệt là nước nóng, nóng chảy ở 185°C. Khi đun nóng, đường saccharose bị phân huỷ thành carbon và nước.

Người ta có thể sản xuất đường saccharose từ **cây mía**, **cây củ cải đường** hoặc **cây thốt nốt**. Nếu sản xuất từ cây mía, khi mía đến ngày thu hoạch, người ta thu hoạch mía rồi đưa về nhà máy ép lấy nước mía, sau đó cô cạn để làm bay hơi **nước** sẽ thu được đường có màu nâu đỏ. Tiếp theo, người ta tẩy trắng đường bằng khí **sulfur dioxide** để thu được đường trắng.



Đường saccharose

- Em hãy chỉ tên vật thể tự nhiên, tên chất ở những từ in đậm trong đoạn văn trên.
- Nêu các tính chất vật lí, tính chất hoá học của đường saccharose.
- Nếu tẩy trắng đường bằng khí sulfur dioxide thì sẽ không tốt cho môi trường. Do đó, công nghệ hiện đại đã làm trắng đường bằng biện pháp khác. Em hãy tìm hiểu xem đó là biện pháp nào.

Bài 7: Giải thích các hiện tượng sau:

a) Vì sao khi đốt bếp than, bếp lò, muốn ngọn lửa cháy to hơn, ta thường thổi hoặc quạt mạnh vào bếp.

b) Vì sao một số bệnh nhân phòng cấp cứu phải mang mặt nạ dưỡng khí?

Bài 8: 1 lít xăng thải ra 2 kg carbon dioxide vào bầu khí quyển từ động cơ ô tô. Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 7 lít xăng. Mỗi ngày tại một thành phố có đến 100 xe ô tô hoạt động với quãng đường trung bình tầm 10 km.

a) Em hãy tính lượng carbon dioxide thải ra bầu khí quyển trong 1 ngày của thành phố trên.

b) Em hãy nhận xét về lượng khí carbon dioxide đã thải ra. Là một học sinh em có thể làm gì để bảo vệ môi trường không khí?

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trải qua mấy giai đoạn? Nêu niên đại tương ứng của từng giai đoạn đó?

Câu 2. Xã hội nguyên thủy trải qua mấy giai đoạn phát triển? Hãy nêu những đặc điểm chính của mỗi giai đoạn đó?

Câu 3. Trình bày những nét chính về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?

Câu 4. Sự xuất hiện của kim loại có tác động như thế nào tới đời sống con người?

Câu 5. Trình bày những thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại? Em hãy nêu một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

Một số câu hỏi gợi ý:

- Lịch sử là gì?
- Hiện nay trên thế giới sử dụng một thứ lịch chung nào?
- Một thiên niên kỉ, thế kỉ, thập kỉ là bao nhiêu năm?
- Người xưa dựa vào đâu để làm ra lịch?
- Âm lịch, dương lịch là gì?
- Loài người có nguồn gốc từ đâu?
- Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy đầu tiên ở đâu?
- Về kinh tế, trong giai đoạn công xã thị tộc, người nguyên thủy ở Việt Nam đã biết làm gì?
- Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?
- Ai là người đứng đầu Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại?
- Cách tính khoảng cách thời gian, xác định thế kỉ.

Câu hỏi minh họa:

Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Lịch sử được hiểu là gì?

- Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.
- Những câu chuyện cổ tích được kể truyền miệng.
- Các bản ghi chép hay tranh ảnh còn được lưu giữ lại.
- Sự tưởng tượng của con người.

Câu 2: Loài người có nguồn gốc từ đâu?

- Người tối cổ.
- Vượn
- Vượn người.
- Người tinh khôn

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.
- Tỷ lệ phân môn: Lịch sử: 50%; Địa lí: 50%
- Tỷ lệ câu hỏi:
 - + Trắc nhiệm: 50%
 - + Tự luận: 50%

MÔN ĐỊA LÝ

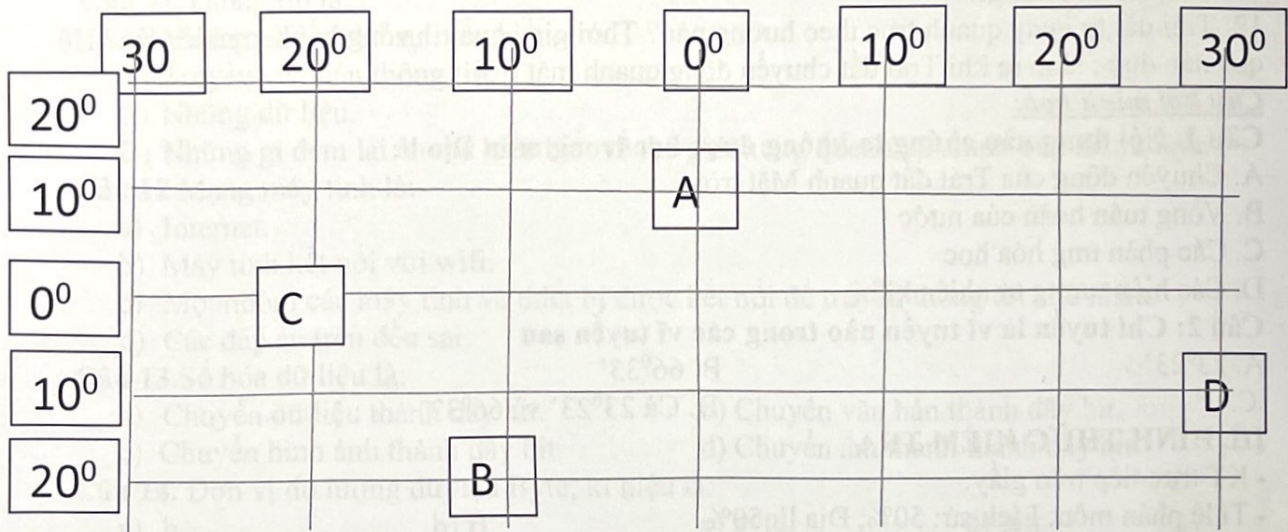
I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1, 2, 3, 4, 5,6,7

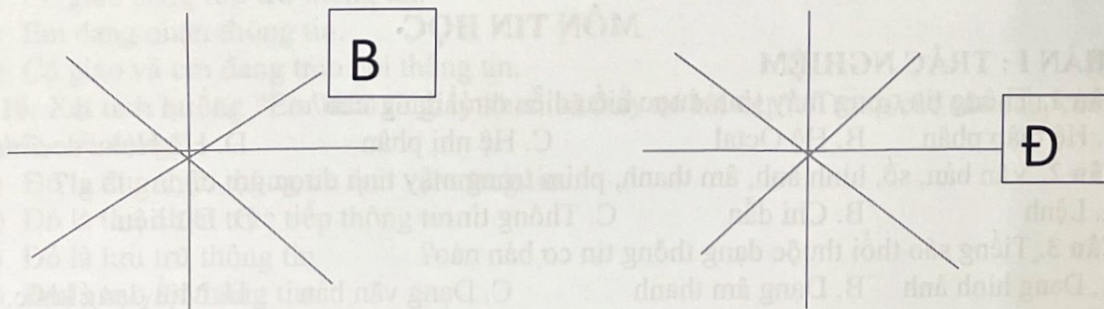
II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. So sánh kinh tuyến và vĩ tuyến.

Câu 2. Xác định tọa độ địa lí của các điểm sau:



Câu 3. Xác định hướng đúng từ một hướng cho trước.



Câu 4. Tính:

- a) Tính khoảng cách thực tế từ A đến B biết trên bản đồ đo được 6 cm, tỉ lệ bản đồ là 1:6000000.
- b) Tính khoảng cách đo được trên bản đồ biết: Độ dài từ A đến B là 350km, tỉ lệ bản đồ là 1:7000000.

Câu 5. Trình bày chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1, 2, 3, 4, 5,6,7

Một số câu hỏi gợi ý:

1. Những nội dung nào được tìm hiểu trong môn địa lí?
2. Kinh tuyến là gì?
3. Vĩ tuyến nào là chí tuyến?
4. Kinh tuyến đông nằm ở ... so với kinh tuyến gốc?
5. Tìm ý sai: Bản đồ là...
6. Bản đồ được thể hiện trên mặt...
7. Trong các tỉ lệ bản đồ sau, bản đồ nào có tỉ lệ lớn nhất: 1:5000; 1: 7500; 1: 1000000, 1: 6000000.
8. Tính khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B, biết khoảng cách từ A-B đo được trên bản đồ là 4 cm, tỉ lệ bản đồ: 1: 2500000.
9. Các đối tượng: Sân bay, cảng biển thường được thể hiện bằng kí hiệu nào?
10. Trái đất nằm ở vị trí thứ mấy trong hệ Mặt trời? Hệ mặt trời có mấy hành tinh.
11. Trái đất có hình gì?
12. Trái đất tự quay quanh trục theo hướng nào? Thời gian quay 1 vòng hết bao nhiêu lâu? Hệ quả nào được sinh ra khi Trái đất chuyển động quanh mặt trời.

Câu hỏi minh họa:

Câu 1. Nội dung nào chúng ta không được học trong môn Địa lí:

- A. Chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời
- B. Vòng tuần hoàn của nước
- C. Các phản ứng hóa học
- D. Các hiện tượng tự nhiên kì bí

Câu 2: Chí tuyến là vĩ tuyến nào trong các vĩ tuyến sau

- A. $23^{\circ}23'$
- B. $66^{\circ}33'$
- C. 0°
- D. Cả $23^{\circ}23'$ và $66^{\circ}33'$

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.
- Tỉ lệ phân môn: Lịch sử: 50%; Địa lí: 50%
- Tỉ lệ câu hỏi:
 - + Trắc nhiệm: 50%
 - + Tự luận: 50%

MÔN TIN HỌC**PHẦN I : TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Thông tin trong máy tính được biểu diễn dưới dạng nào?

- A. Hệ thập phân
- B. Hệ Octal
- C. Hệ nhị phân
- D. Hệ Hexa decimal

Câu 2. Văn bản, số, hình ảnh, âm thanh, phim trong máy tính được gọi chung là gì?

- A. Lệnh
- B. Chỉ dẫn
- C. Thông tin
- D. Dữ liệu.

Câu 3. Tiếng sáo thổi thuộc dạng thông tin cơ bản nào?

- A. Dạng hình ảnh
- B. Dạng âm thanh
- C. Dạng văn bản
- D. Một dạng khác.

Câu 4. Trong các công việc sau, việc nào là thu nhận thông tin

- A. Tính điểm học sinh trong phần mềm tính điểm
- B. Tìm trên bản đồ đường đi từ nhà đến trường
- C. Quan sát phong cảnh đẹp để chuẩn bị chụp ảnh
- D. Xem thông tin dự báo thời tiết

Câu 5. Dây bit là gì?

- A. Dây chỉ gồm hai chữ số khác nhau
- B. Dây gồm hai kí tự khác nhau
- C. Dây gồm hai chữ số 0 và 1
- D. Dây gồm hai chữ số 1 và -1

Câu 6. Đâu là đơn vị đo lường thông tin nhỏ nhất

- A. Bit
- B. byte
- C. mét
- D. gam

Câu 7. Một byte bằng bao nhiêu bit

- A. 4 B. 8 C. 10 D. 1000

Câu 8. Khi em đọc một quyển truyện, dữ liệu em nhận được là dạng gì?

- A. Dạng hình ảnh B. Dạng âm thanh
C. Dạng văn bản D. Dạng văn bản và hình ảnh

Câu 9. Các bước trong hoạt động thông tin của con người:

- a, Thông tin vào – thông tin ra.
b, Thông tin vào – Xử lý thông tin – Thông tin ra.
c, Thông tin vào – Bộ não xử lý – Thông tin ra.
d, Thông tin vào – Xử lý thông tin – Ghi nhớ (lưu trữ thông tin) – Trao đổi thông tin.

Câu 10. Một GB xấp xỉ bằng bao nhiêu byte:

- A) Một nghìn byte. C) Một tỷ byte
B) Một triệu byte. D) Một nghì tỷ byte

Câu 11. Thông tin là:

- A) Những gì đem lại sự hiểu biết.
B) Truyền và nhận thông tin.
C) Những dữ liệu.
D) Những gì đem lại cho ta hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình.

Câu 12 Mạng máy tính là:

- a) Internet.
b) Máy tính kết nối với wifi.
c) Một nhóm các máy tính và thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau.
d) Các đáp án trên đều sai

Câu 13. Số hóa dữ liệu là:

- a) Chuyển dữ liệu thành dãy bit. b) Chuyển văn bản thành dãy bit.
c) Chuyển hình ảnh thành dãy bit . d) Chuyển âm thanh thành dãy bit.

Câu 14. Đơn vị đo lường dữ liệu Byte, kí hiệu là:

- a) b. b) B. c) byte. d) bit.

Câu 15. Xét tình huống “Cô giáo đang giảng bài, em nghe và ghi bài vào vở”. Trong các câu sau, câu nào đúng?

- a) Cô giáo đang gửi thông tin.
b) Cô giáo đang lưu trữ thông tin.
c) Em đang nhận thông tin.
d) Cô giáo và em đang trao đổi thông tin.

Câu 16. Xét tình huống “Em nhìn tờ giấy khen và thấy nó rất đẹp”. Trong các câu sau, câu nào cho nhận xét đúng?

- a) Đó là thu nhận thông tin qua vật mang tin.
b) Đó là thu nhận trực tiếp thông tin.
c) Đó là lưu trữ thông tin
d) Đó là truyền thông tin

Câu 17: Dạng thông tin mà máy tính chưa xử lý được là:

- A. Hình vẽ, chữ viết B. Cảm xúc, mùi vị
C. Âm thanh, văn bản D. Hình ảnh, văn bản

Câu 18: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

- A. Dãy bit B. Văn bản C. Hình ảnh D. Âm thanh

Câu 19: Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

- A. 8000 B. 8129 C. 8291 D. 8192

Câu 20: Bố trí máy tính trong mạng có thể là:

- A. Đường thẳng B. Vòng C. Hình sao D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 21: Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?

- A. Thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin
 B. Thu nhận, xử lý, lưu trữ và truyền thông tin
 C. Thu nhận, xử lý, truyền thông tin và lưu trữ
 D. Xử lý, thu nhận, lưu trữ và truyền thông tin

Câu 22: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

- A. Hình ảnh B. Văn bản C. Âm thanh D. Dây bit

Câu 23: Mạng máy tính cho phép người dùng chia sẻ?

- A. Máy in. B. Bàn phím và chuột. C. Máy quét. D. Dữ liệu.

Câu 24: Máy tính sử dụng dây bit để làm gì?

- A. Biểu diễn các số. B. Biểu diễn văn bản.
 C. Biểu diễn hình ảnh, âm thanh. D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.

Câu 25: 1 KB bằng:

- A. Một triệu byte B. 1024 byte
 C. Một nghìn tỉ byte D. Một nghìn byte

PHẦN II : TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy đổi các đơn vị đo lường thông tin sau :

3 MB =KB

2 MB =GB

2 KB =B

2048 MB =GB

Câu 2: So sánh sự khác nhau giữa mạng không dây và mạng có dây??

Câu 3: Em hãy cho biết lợi ích của mạng máy tính?

Câu 4. Mạng máy tính là gì?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ
2. Yêu thương con người
3. Siêng năng, kiên trì

Yêu cầu:

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, rèn luyện...
- Học sinh biết nhận xét và xử lý tình huống

* Lưu ý: Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy theo nội dung các bài trên

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

Câu 1:

- a. Thế nào là yêu thương con người? Tình yêu thương con người có giá trị như thế nào trong đời sống?
- b. Em hãy kể lại những hành động thể hiện tình yêu thương con người của các bạn trong lớp, trong trường của em. Em học tập được điều gì từ các hành động đó?

Câu 2: Thế nào là siêng năng, kiên trì? Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

Câu 3: Truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân?

Câu 4: Gia đình Lan có truyền thống làm nghề mây tre đan. Ngoài giờ học, Lan rất chăm chỉ giúp đỡ bố mẹ những công việc trong gia đình, chăm sóc ông bà khi ốm đau để bố mẹ chuyên tâm làm việc. Theo em, những việc làm của Lan có giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ không? Vì sao?

Câu 5: An có thói quen ngồi vào bàn học bài lúc 7 giờ tối, mỗi môn học An đều học bài và làm bài đầy đủ. Nhưng để có được việc làm bài đầy đủ ấy thì khi gặp bài khó, bạn thường ngại suy nghĩ và giờ sách giải bài tập ra chép cho nhanh. Một lần sang nhà bạn học nhóm, các bạn

rất ngỡ ngàng khi thấy An làm bài nhanh và rất chính xác, các bạn xúm lại hỏi An cách giải thì bạn trả lời: "À, khó quá, nghĩ mãi không được nên tớ chép ở sách giải bài tập cho nhanh."

a. Việc làm của An trong tình huống trên có điều gì được và chưa được? Bạn còn thiếu đức tính gì ?

b. Nếu em là bạn thân của An, em sẽ khuyên bạn như thế nào ?

Câu 6: Lớp 6A có phong trào thi đua giải các bài toán khó. Mặc dù là thành viên trong lớp nhưng Hòa thường xuyên bỏ qua, không làm những bài toán khó vì ngại suy nghĩ.

a. Việc làm của Hòa trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính gì? Nếu là bạn của Hòa, em sẽ khuyên bạn điều gì?

b. Bản thân em đã làm như thế nào để rèn luyện đức tính đó?

MÔN NGỮ VĂN

I. NỘI DUNG

1. Phần văn bản:

1.1 Văn bản thuộc thể loại truyện đồng thoại

1.2 Văn bản thuộc thể loại thơ có yếu tố tự sự, miêu tả

2. Phần Tiếng Việt:

2.1 Từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)

2.2 Nghĩa của từ

2.3 Biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ)

3. Phần Tập làm văn:

3.1 Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

3.2 Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự miêu tả

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI:

1. Nhận biết một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất;

2. Nhận biết và phân tích đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật;

3. Nhận biết từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản;

4. Nhận biết và bước đầu nhận xét nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ;

5. Nhận biết ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ;

6. Nêu bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đọc gợi ra

7. Nhận biết cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu

8. Viết đoạn văn, bài văn

III. MỘT SỐ BÀI TẬP CỤ THỂ:

Bài 1: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

"Tôi không ngờ Đé Choắt nói với tôi câu này :

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Đé Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Đé Choắt chôn vào một bụi cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên".

(Trích *Đé Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài)

Câu 1: Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn văn trên? Cho biết dựa vào đâu mà em xác định được? Nêu thể loại của tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí*?

Câu 2: Chép lại lời của nhân vật Đế Choắt trong đoạn trích trên.

Câu 3: Khi Đế Choắt chết, Đế Mèn có tâm trạng như thế nào? Dựa vào cốt truyện, theo em vì sao Đế Mèn lại có tâm trạng như vậy?

Câu 4: Từ bài học đường đời đầu tiên của Đế Mèn được nói tới trong đoạn trích trên, em rút ra được cho mình bài học gì về cách cư xử với những người xung quanh? (trả lời từ 3 đến 5 câu)

Bài 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :

"Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà

Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc".

"Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn.

Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao".

(Trích "Mây và sóng" - Ngữ văn 6, tập một)

1. "Bọn tớ" trong những lời nói trực tiếp trên dùng để chỉ những ai? Họ đã gọi ra trước mắt em bé một thế giới như thế nào? Qua thế giới đó, Ta-go muốn gửi tới chúng ta thông điệp gì ?
2. Trong tiếng Việt, ngoài "bọn tớ" còn một số đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như "chúng ta", "chúng tôi", "bọn mình", "chúng tớ". Có thể dùng một từ ngữ nào trong số đó để thay thế cho "bọn tớ" trong bản dịch không. Vì sao?
3. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó ?
4. Trái tim em đã bao giờ thổn thức trước vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên chưa? Hãy chia sẻ những cảm xúc đó bằng một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu).

Bài 3: Đọc văn bản dưới đây và trả lời câu hỏi

CÂU CHUYỆN ỐC SÊN

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ: *"Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!"*

"Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh" - Ốc sên mẹ nói.

"Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

"Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy".

"Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

"Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy".

Ốc sên con bật khóc, nói: *"Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta".*

"Vì vậy mà chúng có cái bình!" - Ốc sên mẹ an ủi con - "Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta".

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

Câu 1: Văn bản trên có thuộc thể loại truyện đồng thoại không? Vì sao em cho là như vậy?

Câu 2: Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên? Cho biết dựa vào đâu mà em xác định được?

Câu 3: Phép tu từ nào được sử dụng khi xây dựng nhân vật *ốc sên, sâu róm, giun đất*. Từ ngữ nào thể hiện điều đó? Tác dụng?

Câu 4: Ốc sên con có hài lòng về ngoại hình của mình không? Dựa vào điều gì em có nhận xét như vậy?

Câu 5: Xác định lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong đoạn văn sau. Cho biết dựa vào đâu mà em xác định được?

Ốc sên con bật khóc, nói: "Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta".

"Vì vậy mà chúng có cái bình!" - Ốc sên mẹ an ủi con - "Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta".

Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ nhân hóa trong đoạn đối thoại trên.

Câu 6: Nêu bài học cuộc sống mà em có thể rút ra từ văn bản trên (trả lời 3-5 câu văn)

Bài 4: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi

Sấp mưa	Cỏ gà rung tai	Mưa
Sấp mưa	Nghe	Mưa
Những con mối	Bụi tre	Ừ ù như xay lúa
Bay ra	Tần ngần	Lộp bộp
Mối trẻ	Gỡ tóc	Lộp bộp...
Bay cao	Hàng bươi	Rơi
Mối già	Đu đưa	Rơi...
Bay thấp	Bé lũ con	Đất trời
Gà con	Đầu tròn	Mù trắng nước
Rối rít tìm nơi	Trọc lóc	Mưa chéo mặt sân
Ẩn nấp	Chớp	Sủi bọt
Ông trời	Rạch ngang trời	Cóc nhảy chồm chồm
Mặc áo giáp đen	Khô khốc	Chó sủa
Ra trận	Sấm	Cây lá hả hê
Muôn nghìn cây mía	Ghé xuống sân	Bố em đi cày về
Múa gươm	Khanh khách	Đội sấm
Kiến	Cười	Đội chớp
Hành quân	Cây dừa	Đội cả trời mưa...
Đầy đường	Sải tay	(Mưa – Trần Đăng Khoa)
Lá khô	Bơi	
Gió cuốn	Ngọn mừng toi	
Bụi bay	Nhảy múa	
Cuồn cuộn		

1. Xác định thể thơ, nhận xét cách ngắt nhịp, gieo vần của bài thơ
2. Chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ. Nhà thơ kết hợp sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả nhằm mục đích gì?
3. Nêu các trường hợp sử dụng phép nhân hóa để miêu tả thiên nhiên trong bài thơ. Hãy phân tích tác dụng của biện pháp ấy trong một số trường hợp đặc sắc
4. Gần hết bài thơ chỉ miêu tả thiên nhiên, đến cuối bài thơ mới xuất hiện hình ảnh con người:

Bố em đi cày về

Đội sấm

Đội chớp

Đội cả trời mưa...

Em hãy **nhận xét về ý nghĩa biểu tượng cho tư thế, sức mạnh, vẻ đẹp** của con người trước thiên nhiên trong hình ảnh trên.

Bài 5. Đọc bài thơ sau rồi trả lời câu hỏi:

Mẹ ốm

Thơ Trần Đăng Khoa

Mọi hôm mẹ thích vui chơi

Hôm nay mẹ chẳng nói cười được **đâu**

Lá trầu khô giữa cơi **trầu**

Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay

Cánh màn khép lỏng cả ngày
 Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa
 Nắng mưa từ những ngày xưa
 Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan
 Khắp người đau buốt, nóng ran
 Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm
 Người cho trứng, người cho cam
 Và anh bác sĩ đã mang thuốc vào
 Sáng nay trời đổ mưa rào
 Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
 Cả đời đi gió đi sương
 Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi
 Mẹ vui, con có quần gì
 Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca
 Rồi con diễn kịch giữa nhà
 Một mình con sắm cả ba vai chèo
 Vì con mẹ khổ đủ điều
 Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
 Con mong mẹ khoẻ dần dần
 Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say
 Rồi ra đọc sách, cấy cày
 Mẹ là đất nước, tháng ngày của con..

1. Xác định thể thơ, nhận xét cách gieo vần của bài thơ
2. Chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ. Nhà thơ kết hợp sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả nhằm mục đích gì?
3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ trong hai câu thơ sau:
 “Cả đời đi gió, đi sương
 Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi”.
4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong câu thơ kết:
 “Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...”
5. Bài học giáo dục mà nhà thơ gửi gắm qua bài thơ là gì?

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

1. Sounds: /ɑ:/, /ʌ/, /s/, /z/, /iz/, /b/, /p/

2. Vocabulary: Unit 1,2,3

+ School things and activities

+ Verbs (play, do, have, study) + noun

+ Types of house

+ Rooms and furniture

+ Body parts and appearance

+ Personality adjectives

3. Grammar:

+ Verb (play, do, have, study) + Noun

+ Present simple

+ Adverbs of frequency

+ Possessive case

+ Prepositions of place

+ Present continuous

4. Everyday English :

+ Introducing someone

+ Giving suggestions

+ Asking about appearance and personality

5. Listening: Unit 1,2,3

+ School things and activities

+ Verbs (play, do, have, study) + noun

+ Types of house

+ Rooms and furniture

+ Body parts and appearance

+ Personality adjectives

B. PRACTICE:**PHONETICS**

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the other three in each question.

1. A. writess B. makess C. takess D. drivess
2. A. A. classmate B. garden C. sharpener D. piano
3. A. apartments B. cupboards C. kitchens D. bathrooms

Choose the word which has a different stress pattern from the other three in each question.

4. A. funny B. pretty C. lucky D. alone
5. A. between B. behind C. under D. above

VOCABULARY AND GRAMMAR

Choose the word or phrase that best completes each sentence below.

6. English is known as a/an _____ language.
A. international B. national C. internationally D. nationally
7. After school, we often _____ basketball together.
A. do B. play C. have D. study
8. Lan often _____ judo at her weekends.
A. does B. plays C. has D. makes
9. It is so nice to _____ a conversation with new friends.
A. have B. give C. do D. study
10. Ms. Nga _____ an English course to go travelling around the world.
A. rides B. gives C. does D. makes
11. My school _____ at 8 am and _____ at 5 pm every day.
A. start, end B. starts, ends
C. is starting, is ending D. are starting, are ending
12. My brother and I always _____ the bicycles to school from Monday to Saturday.
A. are riding B. is riding C. rides D. ride
13. There isn't any still house _____ this village.
A. in B. on C. between D. of
14. My grandmother is _____ to everyone. She likes sharing things with others.
A. kindness B. unkind C. kind D. kindly
15. How do you call your sister's son.
A. cousin B. niece C. uncle D. nephew
16. We _____ on Sunday, we play sports together.
A. doesn't study B. don't study C. aren't studying D. isn't studying

Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

17. Their funny stories make us laugh a lot.
A. amusing B. lovely C. cute D. reliable
18. Hoa is a good friend. She always shares things with her classmate.
A. gives B. listens C. takes D. wants

Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

19. He is so generous that he often pays for our drink.
A. mean B. kind C. nice D. reliable
20. Doing morning exercises is an (a) exciting activity for students.
A. boring B. happy C. hard D. interesting

38. Orange in the dining room helps you eat and talk more.		
39. Pink in the study room makes you more hardworking and smarter.		
40. Painting different rooms with different colours help you eat, study, sleep and relax.		

Reading the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

I am going to tell you about my best friend, Katie. She has long, dark brown hair and grey green eyes. She is always happy and cheerful. We often sit together in class, and help one another with our schoolwork. We always go home together and play badminton for an hour. Katie is very good at sports, and she usually wins. Katie is learning to play piano. I am learning to play the flute. We practice together every day. We play **simple** songs for piano and flute. They are fun. At weekends sometimes Katie stays the night at my flat, or I stay the night at her house. We always have a lovely time.

41. What is the topic of the passage?
 A. My best class
 B. My best teacher
 C. My best friend
 D. My best school
42. What is TRUE about Katie?
 A. She is good at studying.
 B. She plays sports very well.
 C. She has long black hair.
 D. She never come to school late.
43. What do they often help each other?
 A. study
 B. play badminton
 C. ride to school
 D. sing
44. The word "**simple**" in line 6 is best replaced by _____.
 A. hard
 B. complex
 C. easy
 D. interesting
45. All of the following statements are true EXCEPT _____.
 A. They play piano together.
 B. They have a good time together.
 C. After school, they play badminton together.
 D. They often stay the night at the other's house.

IV. WRITING

Choose the sentence (A, B, C or D) that is closest in meaning to the root sentence.

46. How old is he?

- A. What is his age?
 B. How age is he?
 C. How many ages does he have?
 D. How much is his age?

47. My teacher's hair is straight and black.

- A. My teacher has straight and black.
 B. My teacher has black straight hair.
 C. My teacher has a straight black hair.
 D. My teacher has a black straight hair.

48. Cau Giay Park has many green trees.

- A. There are a lot of green trees in Cau Giay Park.
 B. There is a lot of green trees in Cau Giay Park.
 C. We have many green trees in Cau Giay.
 D. We plant a lot of green trees in Cau Giay School.

49. There are many pictures below the clock in my dining room.

- A. The clock is in front of many pictures in my dining room.
 B. My dining room has a clock among many pictures.
 C. The clock is above a lot of pictures in my dining room.
 D. We have a dining room with many pictures in the middle of the clock.

50. The garden is in front of the building.

- A. The building is between the garden and the house.
 B. The building is next to the garden.
 C. The building is behind the garden.
 C. The building is under the garden.

MÔN TOÁN**I/ Lý thuyết:*****PHẦN SỐ HỌC**

1. Tập hợp: Kí hiệu, cách ghi một tập hợp, xác định số phần tử của tập hợp.
2. Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên.
3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.
4. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc và có dấu ngoặc.
5. Tính chất chia hết của một tổng và các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9
6. Số nguyên tố, hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

***PHẦN HÌNH HỌC**

1. Hình tam giác đều – Hình vuông – Hình lục giác đều
2. Hình chữ nhật – Hình thoi
3. Chu vi và diện tích của hình chữ nhật, hình thoi.

II. Bài tập:**A. Bài tập trắc nghiệm****I. Đại số**

Câu 1. Cho A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5, tập A được viết như thế nào?

- A. $A = \{1; 2; 3; 4\}$ B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ C. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

Câu 2. Cho B là tập hợp các số tự nhiên lẻ và lớn hơn 31, chọn khẳng định đúng:

- A. $31 \in B$ B. $32 \in B$ C. $2019 \notin B$ D. $2021 \in B$

Câu 3. Tìm x , biết $x + 20 = 42$.

- A. 22. B. 62. C. 2. D. 18.

Câu 4. Tìm y , biết $6095 - y = 2816$.

- A. $y = 3279$. B. $y = 3389$. C. $y = 4879$. D. $y = 8911$.

Câu 5. Tính nhanh $28.13 - 28.3$ được kết quả là:

- A. 28 B. 280 C. 140 D. 336

Câu 6. Cho phép chia $x : 5 = 6$, khi đó thương của phép chia là:

- A. x B. 5 C. 6 D. 30

Câu 7. Tìm số tự nhiên x , biết: $(x - 52).16 = 0$

- A. 0 B. 16 C. 36 D. 52

Câu 8. Công thức nào sau đây thể hiện tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng?

- A. $a.(b + c) = a.b + a.c$ B. $a + (b + c) = (a + b) + c$.

- C. $a.b = b.a$. D. $(a.b).c = a.(b.c)$.

Câu 9. Trong phép chia có dư, số dư bao giờ cũng số chia.

- A. nhỏ hơn. B. lớn hơn.
 C. nhỏ hơn hoặc bằng. D. lớn hơn hoặc bằng.

Câu 10. Số tự nhiên x thỏa mãn $x.23 = 575$ là

- A. 25. B. 54. C. 70. D. 552.

Câu 11. Giá một chiếc khẩu trang N95 là 30 000 đồng. Tính số tiền cần có để mua 20 chiếc khẩu trang N95 đó?

- A. 30 020 đồng. B. 60 000 đồng. C. 600 000 đồng. D. 500 000 đồng.

Câu 12. Hãy chọn phương án đúng. Tích $8^2 \cdot 8^4$ bằng:

- A. 8^8 B. 64^8 C. 16^6 D. 8^6

Câu 13. Chỉ ra khẳng định **sai**:

- A. $2^3 \cdot 2^2 = 2^5$ B. $2^4 \cdot 2 = 2^5$ C. $2^6 : 2 = 2^5$ D. $2^3 \cdot 2^2 = 2^6$

Câu 14. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là

- A. Nhân và chia \Rightarrow Lũy thừa \Rightarrow Cộng và trừ.
 B. Lũy thừa \Rightarrow Nhân và chia \Rightarrow Cộng và trừ.
 C. Cộng và trừ \Rightarrow Nhân và chia \Rightarrow Lũy thừa.
 D. Lũy thừa \Rightarrow Cộng và trừ \Rightarrow Nhân và chia

Câu 15. Tìm số tự nhiên x biết $x^3 = 5^3$

- A. $x = 5$ B. $x = 3$ C. $x = 25$ D. $x = 125$

Câu 16. Tích $3 \cdot 5 \cdot 7 \cdot 9 \cdot 11$ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 4 B. 8 C. 10 D. 11

Câu 17. Số nào sau đây là ước của 60?

- A. 16 B. 18 C. 20 D. 22

Câu 18. Số nào sau đây là bội của 17?

- A. 51. B. 54 C. 56 D. 63

Câu 19. Trong các số: 1904; 2895; 2890; 2786. Số chia hết cho 5 mà **không** chia hết cho 2 là:

- A. 1904 B. 2895 C. 2890 D. 2786

Câu 20. Trong các tổng sau, tổng chia hết cho 5 là:

- A. $10 + 25 + 34 + 2000$ B. $5 + 10 + 70 + 1995$
 C. $25 + 15 + 33 + 45$ D. $12 + 25 + 2000 + 1997$

Câu 21. Điều kiện của x để biểu thức $A = 12 + 14 + 16 + x$ chia hết cho 2 là:

- A. x là số tự nhiên chẵn B. x là số tự nhiên lẻ
 C. x là số tự nhiên bất kì D. $x \in \{0; 2; 4; 6; 8\}$

Câu 22. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

- A. 45 B. 78 C. 180 D. 210

Câu 23. Chữ số thích hợp ở dấu * để số $1*5$ chia hết cho 9 là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 9

Câu 24. Phân tích số 40 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là:

- A. $2 \cdot 4 \cdot 5$ B. $2^3 \cdot 5$ C. $5 \cdot 8$ D. $4 \cdot 10$

Câu 25. Trong các số: 2; 3; 4; 5 số nào là hợp số?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 26. Kết quả của phép tính nào dưới đây là số nguyên tố?

- A. $15 - 5 + 1$ B. $7 \cdot 2 + 1$ C. $14 \cdot 6 : 4$ D. $6 \cdot 4 - 12 \cdot 2$

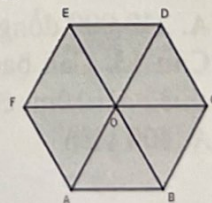
II. Hình học

Câu 1. Cho tam giác ABC đều. Nhận định nào sau đây sai.

- A. Ba cạnh $AB = BC = CA$ B. Ba đỉnh A, B, C bằng nhau
 C. Ba góc ở đỉnh A, B, C bằng nhau D. Ba góc A, B, C bằng nhau.

Câu 2. Cho hình lục giác đều ABCDEG. Nhận định nào sau đây là **đúng**:

- A. $OA = OB = OC = OD = OE = OG$
 B. $OA < OB < OC < OD < OE < OG$
 C. $OA > OB > OC > OD > OE > OG$
 D. $OA \neq OB \neq OC \neq OD \neq OE \neq OG$



Câu 3. Một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh 6m. Độ dài hàng rào bao quanh hình vuông đó bằng:

- A. 36 m B. 24 m C. 36 m^2 D. 24 m^2

Câu 4. Một hình vuông có diện tích là 81 m^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A. 81 m B. 36 m C. 24 m D. 9 m

Câu 5. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 2\text{ dm}$, 12 cm . Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

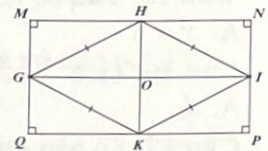
- A. 28 cm B. 24 cm^2 C. 64 cm D. 28 dm

Câu 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 80 dm. Diện tích mảnh vườn đó là:

- A. 960 m^2 B. 960 dm^2 C. 96 m^2 D. 40 m^2

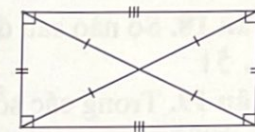
Câu 7. Cho hình vẽ biết $HK = 6\text{ cm}$, $GI = 10\text{ cm}$. Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:

- A. 15 cm^2 B. 30 cm^2
C. 32 cm^2 D. 60 cm^2



Câu 8. Trong hình chữ nhật, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Bốn cạnh bằng nhau
B. Hai đường chéo bằng nhau
C. Hai cạnh đối bằng nhau
D. Bốn góc vuông

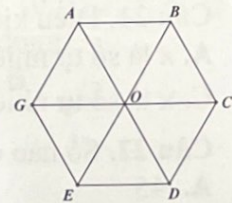


Câu 9. Một người dự định dùng dây thép gai để bao quanh một khu vườn hình chữ nhật có kích thước 15 m ; 7 m . Hỏi cần bao nhiêu mét dây thép gai để rào khu đất trên?

- A. 22m B. 210m C. 44m D. 105m

Câu 10. Cho lục giác đều ABCDEG, ba đường chéo chính cắt nhau tại O. Có bao nhiêu hình thoi được tạo thành?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7



Câu 11. Khẳng định nào sau đây là đúng nhất khi nói về hai đường chéo của hình thoi

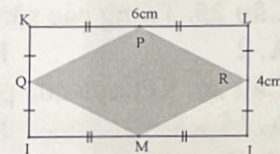
- A. Hai đường chéo song song với nhau B. Hai đường chéo trùng nhau
C. Hai đường chéo vuông góc với nhau D. Hai đường chéo bằng nhau

Câu 12. Cho hình thoi ABCD có $BC = 5\text{ cm}$. Chu vi hình thoi ABCD là:

- A. 25 cm^2 B. 20 cm C. 10 cm D. 25 cm

Câu 13. Diện tích hình tô màu trong hình bên là:

- A. 8 cm^2 B. 12 cm^2 C. 6 cm^2 D. 24 cm^2



Câu 14. Người ta dự định lắp kính cho một cửa sổ hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8dm và 12dm. Biết 1dm² kính để làm cửa sổ hết 5000 đồng. Số tiền cần có để lắp kính cho cửa sổ là:

- A. 240 000 đồng B. 480 000 đồng C. 48 000 đồng D. 120 000 đồng

Câu 15. Cần bao nhiêu viên gạch hình vuông có cạnh 40cm để lát nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 8m?

- A. 400 viên B. 500 viên C. 450 viên D. 200 viên

B. Bài tập tự luận:**Dạng 1. Thực hiện phép tính****Bài 1.** Thực hiện phép tính:

a) 25. 12 b) 34. 11 c) 47. 101 d) 5. 125. 2. 41. 8

Bài 2. Tính bằng cách hợp lý nhất:

a) $38.63 + 37.38$ b) $12.53 + 53.172 - 53.84$

c) $35.34 + 35.38 + 65.75 + 65.45$ d) $39.8 + 60.2 + 21.8$

Bài 3. Thực hiện phép tính:

a) $3.5^2 - 16 : 2^2$; b) $15.141 + 59.15$; c) $2^3.17 - 2^3.14$; d) $20 - [30 - (5 - 1)^2]$.

e) $2020 - [45 - (6 - 1)^2] + 2019^0$ f) $476 - \{5. [409 - (8.3 - 21^2)] - 1724\}$

Dạng 2. Tìm số chưa biết tự nhiên x**Bài 4.** Tìm x biết :

a) $x + 37 = 50$

b) $2.x - 3 = 11$

c) $(2 + x) : 5 = 6$

d) $2 + x : 5 = 6$

e) $32(x - 10) = 32$

f) $(x - 5)(x - 7) = 0$

g) $(x - 15) - 75 = 0$

h) $575 - (6x + 70) = 445$

i) $x - 105 : 21 = 15$

k) $(x - 105) : 21 = 15$

l) $x^3 = 27$

m) $(2x - 1)^3 = 8$

n) $(x - 2)^2 = 16$

o) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$

p) $(3x - 2^4).7^3 = 2.7^4$

Bài 5. Tìm $x \in N$ biết:

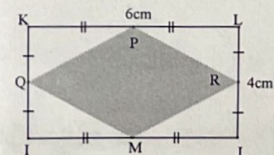
a) $16 \dot{=} x$

b) $x \dot{=} 12$ và $x < 60$

Dạng 3. Một số bài toán hình học:**Bài 6.** Cho hình vuông ABCD cạnh có độ dài 7 cm. Tính chu vi và diện tích của hình vuông ABCD.**Bài 7:** Tính diện tích phần hình tô màu trong hình dưới đây:**Dạng 4. Toán thực tế:****Bài 8.** Cho mảnh vườn hình vuông cạnh 50m để trồng rau. Hãy tính:

a) Diện tích của mảnh vườn

b) Độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn đó.

Bài 9. Bạn An có một sợi dây ruy băng dài 48cm. Nếu bạn An gấp thành một hình lục giác đều thì độ dài mỗi cạnh của hình lục giác đều mà An tạo ra có độ dài bao nhiêu centimet?**Dạng 5. Một số bài tập nâng cao:****Bài 10.** Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{98} + 3^{99}$. Chứng tỏ rằng $A \dot{=} 4$.**Bài 11.** Cho $A = 1 + 4 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{58} + 4^{59}$. Chứng tỏ rằng $A \dot{=} 5$; $A \dot{=} 21$.**Bài 12.** Cho 1 số có 4 chữ số: $\overline{*26*}$. Điền các chữ số thích hợp vào dấu (*) để được số có 4 chữ số khác nhau chia hết cho tất cả 4 số : 2; 3; 5; 9.**MÔN ÂM NHẠC****I. Ôn tập bài hát:**- Bài hát *Em yêu giờ học hát*- Bài hát: *Lí cây đa***II. Ôn tập: tập đọc nhạc.**

- Bài đọc nhạc số 1.2.

MÔN THỂ DỤC

Chạy cự ly ngắn

- Ôn các động tác bổ trợ: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, đánh tay tại chỗ.
- Ôn kỹ thuật xuất phát cao

MÔN MỸ THUẬT

Tuần 8: Làm thiệp chúc mừng

Nơi nhận:

- GVCN khối 6;
- Lưu.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Bích Liên

DẠNG CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ VĂN 6

BÀI 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CHIẾC LÁ

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.
- Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?
- Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.
- Thật như thế sao? Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt đêm chưa?
- Chưa! Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác tôi cả. Suốt đời tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi, bình thường.
- Thế thì chán thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.
- Tôi không bịa chút nào đâu. Mãi mãi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.

Câu 1. Tác phẩm “Chiếc lá” của Trần Hoài Dương thuộc thể loại nào?

Câu 2. Truyện kể theo ngôi kể nào? Ai là người kể trong câu chuyện?

Câu 3. Câu chuyện gồm có những nhân vật nào?

Câu 4. Các nhân vật trong câu chuyện trở nên có hồn, gần gũi hơn với con người nhờ việc sử dụng biện pháp tu từ nào?

Câu 5. Từ “bình thường” có nghĩa là gì?

Câu 6. Hình ảnh “ngôi sao”, “vầng mặt trời” trong những câu chuyện mà bông hoa nhắc đến tượng trưng cho những cuộc sống như thế nào?

Câu 7. Nêu đặc điểm của chiếc lá trong câu chuyện?

Câu 8. Vì sao bông hoa lại kính trọng những chiếc lá?

Câu 9. Nếu là chiếc lá, em có muốn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời không? Vì sao?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm, trình bày bằng đoạn văn từ 3-5 câu

BÀI 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN

Mùa xuân, đất trời đẹp. Dế Mèn thoắt thân ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị. Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vào xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

Câu 1. “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào?

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

Câu 3. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 4. Từ “giản dị” trong câu “Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị.” có nghĩa là:

Câu 5. Xét về cấu tạo, từ “nồng nàn” trong câu “Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.” thuộc loại từ gì?

Câu 6. Chim én giúp Dế Mèn đi chơi bằng cách nào?

Câu 7. Hành động của hai Chim én khi giúp Dế Mèn thể hiện phẩm chất gì?

Câu 8. Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai?

Câu 9. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn sau:

Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim én và Dế Mèn” bằng đoạn văn khoảng 4-5 câu.

BÀI 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “*Những chiếc áo ấm*”, Võ Quảng)

Câu 1. Câu chuyện trên được viết theo thể loại?

Câu 2. Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

Câu 3. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

Câu 4. Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

Câu 5. Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

Câu 6. Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “*Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.*” là gì?

Câu 7. Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”

Câu 8. Từ ghép trong câu văn “*Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may*” là những từ nào?

Câu 9. Câu văn sau sử dụng phép tu từ nào? Nêu hiệu quả diễn đạt của phép tu từ đó?

“Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật”.

Câu 10. Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

BÀI 4

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

...Mấy hôm sau, về tới quê nhà.

Cái hang bỏ hoang của tôi, cỏ và rêu xanh đã kín lối vào. Nhưng đằng cuối bãi, mẹ tôi vẫn mạnh khỏe. Hai mẹ con gặp nhau, mừng quá, cứ vừa khóc vừa cười.

Tôi kể lại từ đầu chí cuối những ngày qua trong may rủi và thử thách mà bấy lâu tôi trải. Bắt đầu từ chuyện anh Dế Choắt khốn khổ bên hàng xóm.

Nghe xong, mẹ tôi ôm tôi vào lòng, y như người ôm ẵm khi mới sinh tôi và bảo rằng:

- Con ơi, mẹ mừng cho con đã qua nhiều nỗi hiểm nguy mà trở về. Nhưng mẹ mừng nhất là con đã rèn được tấm lòng chín chắn thật đáng làm trai. Bây giờ con muốn ở nhà mấy ngày với mẹ, rồi con đi du lịch xa mẹ cũng bằng lòng, mẹ không áy náy gì về con đâu. Thế là con của mẹ đã lớn khôn rồi. Con đã khôn lớn rồi. Mẹ chẳng phải lo gì nữa.

Mẹ tôi nói thế rồi chan hòa nước mắt sung sướng và cảm động. Tôi nhìn ra cửa hang, nơi mới ngày nào còn trúng nước ở đây và cũng cảm thấy nay mình khôn lớn.

Tôi ở lại với mẹ:

- Mẹ kính yêu của con! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức tu tỉnh được như mẹ mong ước cho con của mẹ...

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006)

*** Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 (mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm):**

Câu 1: Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện đồng thoại
- D. Thơ văn xuôi

Câu 2: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

- A. Dế Mèn và mẹ Dế Mèn
- B. Dế Mèn, Dế Choắt và mẹ Dế Mèn
- C. Dế Mèn, chị Nhà Trò và mẹ Dế Mèn
- D. Dế Mèn, Dế Trũi và mẹ Dế Mèn

Câu 3: Tác dụng của ngôi kể thứ nhất trong đoạn trích trên và trong văn bản *Dế Mèn phiêu lưu kí* là gì?

- A. Nhân vật người kể chuyện giấu mình đi, những sự kiện trong truyện được kể một cách khách quan.
- B. Nhân vật người kể chuyện có thể kể lại sự kiện một cách chân thực, bộc lộ tâm sự, suy tư mang tính chủ quan.
- C. Nhân vật người kể chuyện và các nhân vật khác trong truyện có khoảng cách, không có mối liên hệ trực tiếp.
- D. Nhân vật người kể chuyện có thể kể những chi tiết kì lạ do mình tưởng tượng một cách tự do, thoải mái.

Câu 4: Những từ nào trong các đáp án sau đây đều là từ láy?

- A. chín chắn, thử thách, áy náy
- B. áy náy, may rủi, tu tỉnh
- C. sung sướng, tu tỉnh, mong muốn
- D. áy náy, sung sướng, chín chắn

Câu 5: Cách giải thích nào sau đây là cách giải thích nghĩa của từ “tu tỉnh” đúng nhất?

- A. Tu tỉnh có nghĩa là nhận ra lỗi và thay đổi trở thành người tốt.
- B. Tu tỉnh có nghĩa là thay đổi, không phạm lỗi nữa
- C. Tu tỉnh có nghĩa là nhận ra sai lầm của mình, sửa lỗi.
- D. Tu tỉnh có nghĩa là nhận ra sai của mình và thức tỉnh bản thân.

Câu 6: Điều gì khiến mẹ Dế Mèn vui mừng nhất và không cần lo lắng về con nữa?

- A. Dế Mèn đã thành một chàng rể thanh niên cường tráng có ngoại hình ưa nhìn.
- B. Dế Mèn đã trải qua nhiều hiểm nguy và trở nên chín chắn.
- C. Dế Mèn không bao giờ quên được lời mẹ căn dặn.
- D. Dế Mèn sẽ hết sức tu tỉnh.

Câu 7: Qua lời nói của mẹ Dế Mèn sau khi nghe con kể lại những thử thách đã qua, em cảm nhận được những tâm trạng gì của mẹ Dế Mèn?

- A. Sung sướng, tự hào, xúc động
- B. Hãnh diện, yên tâm, vui mừng
- C. Vui mừng, yên tâm, xúc động
- D. Vui mừng, tự hào, yên tâm

Câu 8: Qua đoạn trích trên, em có cảm nhận như thế nào về nhân vật mẹ Dế Mèn?

- A. Một bà mẹ hiền lành, giàu tình cảm, vị tha.
- B. Một bà mẹ yêu thương con sâu sắc, độ lượng.
- C. Một bà mẹ nhân hậu, bao dung, yêu con sâu sắc.
- D. Một bà mẹ luôn mong con khôn lớn trưởng thành.

***Thực hiện yêu cầu của bài tập:**

Câu 9: Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật so sánh được sử dụng trong câu: “*Nghe xong, mẹ tôi ôm tôi vào lòng, y như người ôm ấm khi mới sinh tôi...*” (1,0 điểm)

Câu 10: Đoạn trích trên khơi gợi trong em những tình cảm gì đối với mẹ của mình? (1,0 điểm)

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn (khoảng 1,5 trang giấy kiểm tra) kể lại một trải nghiệm của em với một người thân trong gia đình.

BÀI 5: Hãy viết một bài văn kể về một trải nghiệm đáng nhớ của em.

**DANH SÁCH DUYỆT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024**

TT	Môn	Nhóm trưởng	Tổ trưởng	BGH phụ trách
1	Ngữ văn 6	Phạm Thủy Dương	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
2	Ngữ văn 7	Trần Thị Thu Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
3	Ngữ văn 8	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
4	Ngữ văn 9	Lưu Thị Huyền	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
5	Lịch sử 9	Nguyễn Thị Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
6	Địa lý 9	Ngô Thị Chung Hậu	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
7	Lịch sử và Địa lý 6,7,8	Ngô Thị Chung Hậu Nguyễn Thị Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
8	Giáo dục công dân	Phạm Thanh Huyền	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
9	Tiếng Anh 6, 7	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
10	Tiếng Anh 8, 9	Vũ Thị Trang	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
11	Giáo dục thể chất	Nguyễn Kim Anh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
12	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Đào Lan Hương	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
13	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Hoàng Thị Huyền Trang	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
14	Toán 6	Phạm Thùy Linh	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
15	Toán 7	Đào Minh Cảnh	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
16	Toán 8	Nguyễn Thị Hòa	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
17	Toán 9	Nguyễn Thị Hà	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
18	Tin học 6,7,8	Phạm Thị Mùi	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
19	GDDP, HĐN	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
20	Khoa học tự nhiên 6,7,8	Nguyễn Thị Thu Hà	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
21	Hóa học 9	Trần Ngọc Ánh	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
22	Sinh học 9	Vũ Thị Hương	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
23	Vật lý 9	Vũ Thị Hạnh	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
24	Công nghệ	Bành Thị Thanh Huyền	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:

- CB, GV, NV (Thực hiện);
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG**Phạm Thị Hải Vân**

TRƯỜNG THCS ÁI MỘ

PHỤ LỤC 2: LỊCH KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo KH số 48 ngày 29 tháng 9 năm 2023)

Tuần	Thứ/Ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Ghi chú
8	Thứ Hai (23/10)	Công nghệ	6,7,8, 9	3	45 phút	Môn: - Thẻ dực khối 9 và Giáo dục thể chất khối 6,7,8 - Mỹ thuật khối 8; Âm nhạc khối 9; Nghệ thuật khối 6,7,8 - HĐTNHN khối 6,7,8 - GDĐP khối 6,7,8 - Ngoại ngữ 2 (Nhật, Hàn) Giáo viên dạy sắp xếp kiểm tra theo TKB tuần 8,9; GV lưu minh chứng kiểm tra phù hợp với đặc trưng bộ môn. (báo BGH lịch KT để TB tới GVCN, CMHS và HS)
	Thứ Ba (24/10)	Lịch sử	9	2	45 phút	
		Lịch sử và Địa lý	6,7,8	3,4	60 phút	
	Thứ Tư (25/10)	Vật lý	9	2	45 phút	
		Tin	6,7,8	2	45 phút	
	Thứ Năm (26/10)	GDCD	6,7,8,9	2	45 phút	
Thứ Sáu (27/10)	Hóa	9	2	45 phút		
	KHTN	6,7,8	3,4	90 phút		
9	Thứ Hai (30/10)	Tiếng Anh	6,7,8,9	3,4	60 phút	
	Thứ Ba (31/10)	Địa lý	9	1	45 phút	
	Thứ Tư (01/11)	Sinh	9	1	45 phút	
	Thứ Năm (02/11)	Ngữ văn	6,7,8,9	3,4	90 phút	
	Thứ Sáu (03/11)	Toán	6,7,8,9	1,2	90 phút	

Ngọc Lâm ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Vân